TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:109A/2020/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 04 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1966

HKTT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Ấp B – T – Đ – B.

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1964

HKTT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp B – T – Đ – B.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà B và ông T

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân**:** Bà B và ông T thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Bà B và ông T có ba con chung gồm: Anh M, sinh ngày 06/5/1990, chị T, sinh ngày 05/9/1993 và anh A, sinh ngày 01/01/1996. Anh M,

chị T và anh A đều trên 18 tuổi, đủ khả năng tự lập cuộc sống nên không đặt ra để giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[2.3]. Về tài sản; Về công nợ; Về công sức: Bà B và ông T tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết .

[2.4]. Về ruộng nông nghiệp: Bà B, ông T và anh M cùng đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được chia tại thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 4 diện tích 1.755 m^2 (lập năm 2018) tại thôn Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H, thỏa thuận cụ thể như sau:

+ Phần diện tích đất chia cho bà B và anh M là 1.170 m^2 ở vị trí giáp với thửa đất của hộ gia đình ông K (thể hiện trên sơ đồ hình vẽ kèm theo Quyết định này là hình ABCDG).

+ Phần diện tích đất chia cho ông T có diện tích đất là 585 m^2 ở vị trí giáp với mương thủy lợi. (Thể hiện trên sơ đồ hình vẽ kèm theo Quyết định này là hình AGDEF).

+ Bà B và anh M tự nguyện trả cho ông T số tiền công sức trông nom, múc đất là 3.000.000đ (ba triệu đồng), ông Thêm đã nhận đủ số tiền này.

+ Ông T có nghĩa vụ chuyển toàn bộ các cây cối do ông T trồng trên đất để trả đất cho bà B và anh M trong thời hạn tối đa là 30 ngày, kể từ ngày 27/8/2020. Nếu sau 30 ngày, kể từ ngày 29/8/2020 mà ông T không tự ý di dời các cây cối do ông T trồng trên đất thì bà B, anh M được toàn quyền chặt bỏ.

[2.5]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà B chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000460 ngày 26 tháng 6 năm 2020, bà B đã nộp đủ tiền án phí. Trả lại bà B số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự
- Viện kiểm sát huyện V
- Chi cục THA huyện V
- UBND xã V
- Lưu Hs vụ án

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THƠM